

Số: 23 /TTr-SNN

Bắc Giang, ngày 17 tháng 02 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020

Kính gửi: UBND tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU, ngày 14/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Giang về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020; Kết luận số 81-KL/TU ngày 17/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020.

Sở Nông nghiệp và PTNT xin trình dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, như sau:

1. Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết

- Trên cơ sở báo cáo tổng kết 10 năm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 của huyện, thành phố, sở, ban, ngành và cấp tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng dự thảo (lần 1) Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, gửi xin ý kiến các Sở, ban, ngành, Tổ chức chính trị-xã hội, Ban Tuyên Giáo Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy và các huyện, thành phố, cụ thể:

+ Tổng số đơn vị gửi xin ý kiến: 36 đơn vị

+ Số đơn vị tham gia ý kiến: 36 đơn vị, trong đó có 10 đơn vị tham gia trực tiếp vào dự thảo báo cáo; 26 đơn vị có văn bản tham gia ý kiến (có 21 đơn vị nhất trí với dự thảo báo cáo và đề xuất thêm một số ý đề hoàn chỉnh báo cáo; 05 đơn vị gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị điều chỉnh lại bố cục báo cáo theo các mục tiêu của Nghị quyết và đề nghị bổ sung đánh giá thêm một số nội dung theo Nghị quyết; Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị đánh giá bổ sung nội dung về công tác vệ sinh môi trường; Công an tỉnh đề nghị điều chỉnh số liệu về lĩnh vực an ninh trật tự; Sở Xây dựng đề nghị rà soát lại số liệu về quy hoạch xã nông thôn mới; Văn phòng Tỉnh ủy đề nghị đánh giá sâu thêm một số nội dung về vai trò của các tổ chức đoàn thể chung sức xây dựng nông thôn mới, hạn chế trong công tác vệ sinh môi trường và bổ sung thêm phần dự báo tình hình từ đó đề xuất chính sách sát đúng thực tế). Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo (lần 2).

- Ngày 06/2/2020, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Thị Thu Hà và Văn phòng UBND tỉnh đã tổ chức thẩm tra, cho ý kiến về dự thảo Báo cáo. Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục chỉnh sửa, hoàn thiện theo yêu cầu.

2. Nội dung chính của Báo cáo

1. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết

1. Công tác quán triệt, phổ biến và triển khai Nghị quyết

Ngay sau khi Nghị quyết số 145-NQ/TU được ban hành, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai Nghị quyết sâu rộng, nghiêm túc. Huyện ủy, Thành ủy đã xây dựng kế hoạch và tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết tới cán bộ, đảng viên và nhân dân.

BTV Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức kiểm điểm 04 năm thực hiện Nghị quyết (năm 2015), ban hành Kết luận số 81-KL/TU ngày 17/7/2015 về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020 (điều chỉnh mục tiêu phân đầu đến năm 2020 theo Nghị quyết số 145-NQ/TU có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới xuống có từ 35-40% số xã để phù hợp với điều kiện thực tế và đề ra 07 nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung trong giai đoạn 2015-2020); đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. HĐND tỉnh tổ chức 02 đợt giám sát; Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức 02 đợt giám sát các nội dung về nông thôn mới và lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong xét công nhận thôn, xã, huyện đạt chuẩn.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo thành lập, kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở để thực hiện Nghị quyết; tổ chức tổng kết 05 năm giai đoạn 2011-2015 (năm 2015) và 10 năm giai đoạn 2010-2020 (năm 2019) thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh chủ động, tích cực tuyên truyền nội dung Nghị quyết, Kết luận của BTV Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh đến hội viên, đoàn viên và người dân. Thông qua học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết đã tạo chuyển biến về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân đa số hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc xây dựng nông thôn mới. Việc triển khai thực tiễn đã củng cố thêm nhận thức cho cán bộ và người dân “*Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của cả hệ thống chính trị, người dân là chủ thể*”.

2. Việc ban hành văn bản chỉ đạo, cơ chế chính sách thực hiện Nghị quyết

Để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết và định hướng chỉ đạo của Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy tại từng giai đoạn. HĐND, UBND tỉnh đã chủ động ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế, được các địa phương tích cực triển khai thực hiện, nhất là trong giai đoạn 2016-2020, rút kinh nghiệm trong triển khai thực hiện giai đoạn 2011-2015 và định hướng chỉ đạo của BTV Tỉnh ủy tại Kết luận số 81-KL/TU ngày 17/7/2015, tỉnh đã ban hành một số chính sách phát huy hiệu quả cao, được người dân đồng tình hưởng ứng, tích cực tham gia như: Chính sách hỗ trợ xi

măng cứng hóa đường trục thôn, đường liên thôn và đường nội đồng gắn với giao thông liên thôn; chính sách hỗ trợ dồn điền, đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu; chính sách xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao rau, hoa sản xuất trong nhà màng, nhà lưới. Trong 10 năm thực hiện Nghị quyết, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy đã ban hành 10 Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận; HĐND tỉnh ban hành 17 Nghị quyết; UBND tỉnh ban hành mới, sửa đổi 27 quyết định về cơ chế chính sách liên quan tới nông nghiệp, nông thôn mới và nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đã có tác động tốt để các địa phương thống nhất thực hiện....

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết

1. Kết quả thực hiện mục tiêu Nghị quyết: Sau 10 năm triển khai thực hiện, các mục tiêu của Nghị quyết đều đạt và vượt xa kế hoạch trước 02 năm, tỉnh Bắc Giang đứng tốp đầu các tỉnh khu vực miền núi Phía Bắc, cụ thể:

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: Hết năm 2019, toàn tỉnh có 114/203 xã đạt chuẩn, chiếm 56,2%; dự kiến hết năm 2020 có 124/184 xã⁽¹⁾ đạt chuẩn, chiếm 67,4% (vượt 27,4% mục tiêu đến năm 2020), trong đó có 8 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao/kiểu mẫu; 10/10 huyện, thành phố đều có xã đạt chuẩn. Ngoài ra, triển khai xây dựng nông thôn mới từ thôn, toàn tỉnh đã có 144 thôn nông thôn mới, 55 thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Số tiêu chí bình quân/xã hết năm 2019 đạt 15,8 tiêu chí/xã; dự kiến hết năm 2020 đạt 16,2 tiêu chí/xã (tăng 9,0 tiêu chí/xã so với năm 2011), không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí.

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới: Hết năm 2019, tỉnh có 02 huyện (Việt Yên và Lạng Giang) đạt chuẩn nông thôn mới; dự kiến hết năm 2020 có 03 huyện (Việt Yên, Lạng Giang, Tân Yên) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông - lâm - thủy sản hết năm 2019 giảm còn 36,7%; dự kiến hết năm 2020 đạt 31,9%, giảm 35,2% so với khi bắt đầu thực hiện (vượt mục tiêu Nghị quyết phấn đấu đến năm 2020 còn 45%).

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn hết năm 2019 đạt 38 triệu đồng/người/năm; dự kiến năm 2020 đạt khoảng 40 triệu đồng/người/năm, gấp 3,2 lần so với khi bắt đầu thực hiện (vượt mục tiêu Nghị quyết phấn đấu đến năm 2020 gấp 2,5 lần).

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Nghị quyết được các địa phương chú trọng, tập trung cao, thực hiện thường xuyên, đa dạng các hình thức và đổi mới về nội dung với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Chủ tịch UBND tỉnh phát động phong trào thi đua "*Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới*"; hưởng ứng phong trào thi đua Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các Sở, ban, ngành và huyện, thành phố có quy chế phối hợp thực hiện Chương trình, phát động nhiều phong trào thi đua, lựa chọn các phần việc

¹ Khi bắt đầu thực hiện tổng số xã xây dựng nông thôn mới 203 xã; năm 2020 thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, tổng số xã xây dựng nông thôn mới sau sáp nhập 184 xã

đề vận động hội viên, nhân dân thực hiện. Các cơ quan thông tin, truyền thông từ tỉnh đến cơ sở xây dựng nhiều chuyên trang, chuyên mục về nông thôn mới, kịp thời đưa tin các tập thể, cá nhân điển hình, cũng như cơ quan, địa phương chưa tích cực thực hiện. Qua đó, nhận thức, tư duy, cách làm của người dân và cán bộ về xây dựng nông thôn mới chuyển biến rõ nét, người dân đã nhận thức rõ hơn vai trò chủ thể của mình, từ đó chủ động tham gia thực hiện Chương trình, khơi dậy nguồn lực to lớn trong nhân dân (đã có gần 50 nghìn hộ tham gia hiến trên 334ha đất các loại, trên 610 nghìn ngày công, phá dỡ trên 214 nghìn m² tường rào), đóng góp trên 3 nghìn tỷ đồng để xây dựng công trình công cộng điển hình như huyện Tân Yên, Lục Ngạn, Lạng Giang...

2.2. Xây dựng quy hoạch và quản lý quy hoạch được tỉnh triển khai và hoàn thành sớm: Năm 2010, tỉnh lựa chọn thực hiện quy hoạch điểm tại 18 xã, đến hết năm 2013 các địa phương đã phê duyệt đồ án quy hoạch cho 203/203 xã, đạt 100% đảm bảo theo quy định. Sau khi phê duyệt, các xã đã thực hiện công khai quy hoạch và ban hành quy định quản lý quy hoạch. Việc triển khai và hoàn thành đồ án quy hoạch sớm đã định hướng giúp các xã lập đề án và tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới đồng bộ, đảm bảo phát triển bền vững.

2.3. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được tập trung xây dựng, diện mạo nông thôn đổi mới khang trang, sạch, đẹp hơn. Sau 10 năm các địa phương đã cứng hóa được trên 7.139km đường giao thông (từ nguồn vốn nông thôn mới thực hiện trên 2.934km; cơ chế hỗ trợ xi măng của tỉnh thực hiện làm mới, nâng cấp trên 4.205km), đường giao thông được mở rộng lên trên 3,5m đảm bảo đi lại thuận lợi, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao thu nhập cho người dân, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa tại các huyện Lục Nam, Sơn Động, Yên Thế, Lục Ngạn. Cứng hóa thêm 689,5km kênh mương, nâng tỷ lệ kiên cố hóa kênh mương đạt 43,6% (tăng 23,6% so với năm 2011), đảm bảo thực hiện tưới, tiêu chủ động trên 85% diện tích, đã góp phần quan trọng cho tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Hệ thống lưới điện tiếp tục được ngành điện quan tâm đầu tư, nâng cấp (thay thế 1.194 TBA và trên 2.760km đường dây dẫn điện), 100% số xã, thôn đã có điện, gần 100% số hộ được sử dụng điện, góp phần nâng cao điều kiện sống cho người dân. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo trên 2.579 phòng học, phòng chức năng các cấp, nâng tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học từ 78% năm 2011 lên 92,4%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng từ 39,2% năm 2011 lên 93,2%; xây dựng mới, cải tạo nâng cấp được trên 1.120 công trình văn hóa, thể thao, đến nay 82% xã đã có nhà văn hóa xã, 92% thôn có nhà văn hóa thôn với đầy đủ thiết chế văn hóa là nơi sinh hoạt chung của nhân dân, phong trào văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên, đã góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa, tinh thần của người dân.

2.4. Phát triển sản xuất hàng hóa và các tổ chức sản xuất có hiệu quả nâng cao thu nhập cho người dân ở nông thôn

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp đạt nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực (cả trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản): Lĩnh vực trồng trọt chuyên

dịch theo hướng sản xuất quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị có xu hướng tăng lên, các tiêu chuẩn sản xuất tiên tiến được phổ biến nhân rộng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung theo thế mạnh của từng địa phương quy mô từ hàng chục đến vài chục nghìn ha; triển khai xây dựng 246 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao rau, hoa với diện tích trên 40ha; vận động nhân dân thực hiện dồn điền, đổi thửa gần 17 nghìn ha, xây dựng 163 mô hình cánh đồng mẫu có liên kết; hàng trăm mô hình liên kết theo chuỗi giá trị được triển khai, xuất hiện nhiều mô hình tích tụ đất đai để sản xuất tập trung. Lĩnh vực chăn nuôi chuyên dịch theo hướng chăn nuôi trang trại, tổ chức sản xuất theo chuỗi khép kín. Lĩnh vực thủy sản phát triển theo hướng thâm canh và bán thâm canh, tiêu chuẩn VietGAP, an toàn sinh học được mở rộng.

Tỉnh đã hình thành 02 nhóm sản phẩm, nhóm các sản phẩm chủ lực của tỉnh với 52 sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng, tiềm năng được quy hoạch và xây dựng thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung; nhóm các sản phẩm là đặc sản địa phương dự kiến đến cuối năm 2020 có khoảng 80 sản phẩm OCOP. Xúc tiến thương mại, tạo thị trường đầu ra ổn định cho nông sản được lãnh đạo tỉnh và các huyện, thành phố chú trọng với hàng loạt giải pháp.

Các hình thức tổ chức sản xuất được đổi mới, phát triển cả về số lượng, chất lượng, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động; đến nay toàn tỉnh, có 466 Hợp tác xã nông nghiệp (tăng 203 Hợp tác xã so với năm 2013), số Hợp tác xã hoạt động khá, tốt chiếm trên 61%. Giá trị sản xuất/ha đất nông nghiệp hết năm 2019 đạt 105 triệu đồng, ước hết năm 2020 đạt khoảng 110 triệu đồng (tăng 63 triệu đồng so với năm 2011), góp phần nâng cao thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt khoảng 40 triệu đồng/người/năm (tăng gấp 3,2 lần so với năm 2011 và gấp 1,8 lần so với năm 2015). Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 19,61% năm 2011 xuống 5,01% năm 2019 và 3,5% dự kiến vào năm 2020, bình quân mỗi năm giảm 1,6%, riêng xã đặc biệt khó khăn giảm khoảng 4%.

2.5. Phát triển giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa và bảo vệ môi trường

Chất lượng giáo dục toàn diện duy trì trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước; thực hiện rà soát, sắp xếp, sáp nhập các trường, điểm trường có quy mô nhỏ, nâng cao hiệu quả các hoạt động; phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi được giữ vững, phổ cập giáo dục tiểu học nâng từ mức độ 1 lên mức độ 3, phổ cập THCS nâng từ mức độ 1 lên mức độ 2. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân được nâng lên; đến nay có 98,3% xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, ước hết năm 2020 có 100% xã đạt (tăng 56,6% so với năm 2011); tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98,8%, ước hết năm 2020 đạt 99% (tăng 39,3% so với năm 2011, vượt trên 15,5% so với chỉ tiêu Chính phủ giao). Đời sống văn hoá, tinh thần của người dân được nâng cao, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả (hết năm 2019, có 89,4% gia đình văn hóa, 80,8% làng văn hóa, 52,5% xã văn hóa nông thôn mới); nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội có nhiều tiến bộ, tình làng nghĩa xóm trong cộng đồng dân cư ngày càng được vun đắp, gắn kết hơn.

Công tác bảo vệ môi trường nông thôn đã có chuyển biến lớn, từng bước làm thay đổi nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân nhất là sau khi BTV Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 139-NQ/TU ngày 01/9/2016 và Kết luận số 43-KL/TU ngày 11/5/2017. UBND tỉnh ban hành Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh và Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Hầu hết các xã đã thành lập tổ, đội, HTX vệ sinh môi trường, trên 72,5% khu dân cư ban hành hương ước, quy ước có nội dung bảo vệ môi trường; tổ chức thu giá dịch vụ môi trường đạt 64,4% số xã. Tỉnh quy hoạch 03 khu xử lý rác thải tập trung (tại TP Bắc Giang, huyện Lục Nam và Hiệp Hòa) để xử lý rác thải cho cả tỉnh; nhiều mô hình "sáng, xanh, sạch, đẹp" bảo vệ môi trường, thu gom, xử lý rác thải nông thôn được phát động và nhân rộng đã góp phần nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh, đến nay tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 88,5%, rác thải được xử lý đạt 87,3%.

2.6. Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Hệ thống chính trị xã hội được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng; vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới được phát huy, nâng cao; công tác bồi dưỡng, tập huấn về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ cấp cơ sở được chú trọng; một số địa phương đã thực hiện hiệu quả công tác điều động, bổ nhiệm cán bộ huyện có năng lực giữ vị trí chủ chốt để hỗ trợ các xã trong xây dựng nông thôn mới như huyện Hiệp Hòa, Tân Yên, Lạng Giang...

Tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn cơ bản ổn định. Phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc" tiếp tục phát huy hiệu quả; duy trì hoạt động trên 10 nghìn mô hình tổ chức quần chúng làm công tác bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở. Đề án điều động Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn được triển khai tích cực đã góp phần quan trọng bảo đảm ổn định ở cơ sở và phát triển kinh tế tại địa phương, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

III. Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

1. Tồn tại, hạn chế

- Sự chỉ đạo còn chưa đồng bộ, có nơi chưa quyết liệt, một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và người dân còn thụ động nên kết quả đạt được chưa cao dẫn đến kết quả xây dựng nông thôn mới giữa các địa phương còn chênh lệch; các xã đặc biệt khó khăn có bình quân tiêu chí đạt chuẩn thấp hơn nhiều so với bình quân chung toàn tỉnh.

- Môi trường nông thôn vẫn là vấn đề phức tạp nhất là chất thải sinh hoạt, hiện 121 xã chưa thành lập Tổ vệ sinh môi trường chuyên trách, 94 xã chưa có khu thu gom rác tập trung của xã; tỷ lệ xã tổ chức thu tiền dịch vụ xử lý rác thải đạt thấp; tình trạng xả rác thải, xác động vật chết ra kênh mương, đường giao thông diễn ra ở nhiều nơi; mạng lưới thu gom, cơ sở hạ tầng cho xử lý rác thải chưa được đầu tư đồng bộ, việc xây dựng khu xử lý rác thải, nhà máy xử lý rác thải chưa được nhiều người dân đồng thuận.

- Sản xuất nông nghiệp vẫn còn phân tán, tự phát, chưa gắn với thị trường; tích tụ ruộng đất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa chưa đáp ứng yêu cầu, chưa hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, nhiều sản phẩm chưa có thương hiệu, bao bì đạt chuẩn và truy xuất nguồn gốc. Chính sách phát triển nông nghiệp chưa đồng bộ, khó khăn trong lồng ghép các nguồn vốn, thiếu nguồn lực để thực hiện, chưa tạo được động lực để đột phá.

2. Nguyên nhân tồn tại hạn chế

- Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền địa phương về vị trí, vai trò của nông nghiệp, nông dân và nông thôn mới chưa đầy đủ; công tác tuyên truyền vận động thực hiện Chương trình có nơi, có lúc còn chưa tốt nên sự tham gia của nhân dân chưa tích cực.

- Sự phối hợp của các Sở, ngành, địa phương trong tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho cơ sở còn hạn chế.

- Sự lãnh đạo chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền có lúc chưa thường xuyên, sâu sát, thiếu quyết liệt nên kết quả còn khiêm tốn; cơ chế chính sách ban hành nhiều nhưng chủ yếu ngắn hạn và thiếu nguồn lực để thực hiện.

- Điều kiện tự nhiên của các huyện miền núi cao không thuận lợi, đời sống còn khó khăn, nhu cầu đầu tư lớn nhưng nguồn lực ngân sách chưa đáp ứng nhu cầu.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, phải có sự tập trung, vào cuộc quyết liệt, thống nhất cao, quán triệt sâu sắc, phân công trách nhiệm rõ ràng của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong tổ chức thực hiện Chương trình.

Hai là, thường xuyên tổng kết thực tiễn, quan tâm bố trí nguồn lực kịp thời và chính sách phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của người dân sẽ phát huy được nguồn lực lớn trong dân.

Ba là, sự đồng thuận của người dân là yếu tố quyết định đến sự thành công của Chương trình với phương châm “*Người dân là chủ thể - Công tác tuyên truyền là giải pháp hàng đầu - Sự đồng thuận của người dân là yếu tố quyết định*”; công tác tuyên truyền, vận động quần chúng phải được thực hiện thường xuyên, sâu rộng, làm cho người dân hiểu rõ lợi ích, chủ động thực hiện.

Bốn là, vai trò của cán bộ chủ chốt ở cơ sở là hết sức quan trọng, vì vậy phải phát huy mạnh mẽ vai trò, sự sáng tạo của cấp ủy, lãnh đạo thôn với ý nghĩa tiên phong, nhất là Bí thư chi bộ, Trưởng thôn; thực tế cho thấy ở đâu cấp ủy, chính quyền quan tâm, người đứng đầu, Đảng viên gương mẫu, trách nhiệm, bám sát thực tiễn, vận dụng sáng tạo thì ở đó có chuyển biến rõ nét.

Năm là, tập trung chỉ đạo, đổi mới tư duy trong phát triển sản xuất để nâng cao năng suất, giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người dân là mục tiêu cốt lõi của chương trình xây dựng nông thôn mới, tạo niềm tin của người dân đối với chương trình, là cơ sở huy động nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững.

IV. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện giai đoạn 2021-2025

1. Mục tiêu đến năm 2025: Có thêm 02 huyện Yên Dũng, Hiệp Hòa đạt huyện nông thôn mới (lũy kế 05 huyện); có 84,8% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, khoảng 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, khoảng 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 80% số thôn, bản thuộc các xã đặc biệt khó khăn đạt thôn nông thôn mới; các xã đã đạt chuẩn có tối thiểu 01 thôn đạt thôn nông thôn mới kiểu mẫu; không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí. Thu nhập bình quân tăng ít nhất 1,8 lần so với năm 2020.

2. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1) Tiếp tục quán triệt, đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến tận thôn, xóm để nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân về Chương trình. Xác định *“Xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, là nhiệm vụ thường xuyên và của cả hệ thống chính trị”*. Ban hành, phát động phong trào thi đua *“Bắc Giang chung sức xây dựng nông thôn mới”* giai đoạn 2021-2025 và thực hiện hiệu quả cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.

2) Triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Trên cơ sở tổng kết thực hiện Nghị quyết, các địa phương xây dựng định hướng về xây dựng nông thôn mới để phục vụ việc xây dựng báo cáo chính trị trình đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020-2025.

3) Rà soát, hoàn thiện đồ án quy hoạch vùng huyện, quy hoạch xã nông thôn mới tại các địa phương đảm bảo phù hợp Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4) Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát huy lợi thế, thế mạnh của từng địa phương; thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và sản xuất; củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp, Hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp. Rà soát, xây dựng cơ chế chính sách về nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo hướng ban hành 01 cơ chế chung để thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 401-NQ/TU ngày 3/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chiến lược phát triển nông nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

5) Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng ở nông thôn, duy tu, nâng cấp công trình đã đầu tư; có chính sách ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn những xã đặc biệt khó khăn; nhân rộng cơ chế hỗ trợ ximăng để cứng hóa tuyến đường giao thông nông thôn còn lại tại địa phương.

6) Nâng cao chất lượng phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”* gắn với xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo, nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”*, phát huy vai trò của nhân dân trong giữ vững an ninh chính trị; đẩy nhanh tiến độ triển khai chủ trương đưa lực lượng Công an chính quy về Công an xã ở những khu vực trọng yếu, các điểm nóng phức tạp.

7) Tập trung quyết liệt, sớm giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc về môi trường. Hoàn thành 03 nhà máy xử lý rác thải quy mô liên vùng theo quy hoạch; triển khai hiệu quả Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; các huyện chỉ đạo các xã hoàn thành xây dựng khu xử lý rác thải tại các xã chưa có khu xử lý rác, bố trí kinh phí đầu tư mua lò đốt rác và hỗ trợ kinh phí thu gom, xử lý tại khu xử lý rác thải; nghiên cứu thí điểm các mô hình xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt áp dụng công nghệ tiên tiến.

8) Ưu tiên bố trí nguồn lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu về thôn, xã, huyện nông thôn mới, nâng cao, kiểu mẫu đến năm 2025.

9) Tổng kết, đánh giá cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 đảm bảo đồng bộ, hiệu quả.

10) Tiếp tục thực hiện kiện toàn, củng cố Ban Chỉ đạo các cấp, Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn và Văn phòng Điều phối các cấp theo hướng chuyên trách. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phát huy vai trò trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

V. Đề xuất, kiến nghị

1. Đối với Trung ương

- Sớm ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới các cấp (thôn, xã, huyện) theo các mức độ (đạt chuẩn, nâng cao, kiểu mẫu); phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trong năm 2020.

- Ưu tiên nguồn vốn hỗ trợ đối với các tỉnh thuộc miền núi phía Bắc và xã thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; có cơ chế chính sách hỗ trợ các vùng đặc biệt khó khăn nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách giữa các khu vực.

2. Đối với Tỉnh ủy

Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

(Có Dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 145-NQ/TU ngày 14/7/2011 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 kèm theo)

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND tỉnh thông qua báo cáo để trình Ban thường vụ Tỉnh ủy theo quy định./.

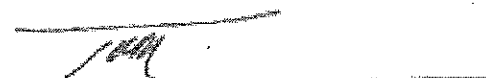
Nơi nhận:

- Lưu VT.

Bản điện tử:

- Như trên;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Nguyễn Thị Thu Hà;
- GD, PGD Sở Nguyễn Việt Toàn;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh.

GIÁM ĐỐC



Dương Thanh Tùng